

**PHỤ LỤC CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NSNN VÀ DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 12/QĐ-SGDĐT ngày 07 tháng 01 năm 2025 của

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ
<b>A</b>	<b>Tổng số thu sự nghiệp 2025</b>	<b>54.088</b>	<b>54.088</b>
<b>I</b>	<b>Số Thu học phí và số chi cho học phí được để lại</b>	<b>49.883</b>	<b>49.883</b>
1	THPT Giao Thủy	1.282	1.282
2	THPT Giao Thủy B	1.315	1.315
3	THPT Giao Thủy C	1.055	1.055
4	THPT Quất Lâm	848	848
5	THPT Xuân Trường	1.304	1.304
6	THPT Xuân Trường B	1.318	1.318
7	THPT Xuân Trường C	789	789
8	THPT Nguyễn Trường Thuý	810	810
9	THPT Hải Hậu A	1.182	1.182
10	THPT Vũ Văn Hiếu	864	864
11	THPT Hải Hậu B	1.052	1.052
12	THPT Hải Hậu C	1.076	1.076
13	THPT Thịnh Long	750	750
14	THPT Trần Quốc Tuấn	844	844
15	THPT An Phúc	712	712
16	THPT Trực Ninh	1.271	1.271
17	THPT Trực Ninh B	1.015	1.015
18	THPT Nguyễn Trãi	740	740
19	THPT Lê Quý Đôn	1.062	1.062
20	THPT Lý Tự Trọng	1.073	1.073
21	THPT Nam Trực	1.199	1.199
22	THPT Nguyễn Du	859	859
23	THPT Trần Văn Bảo	802	802
24	THPT Nghĩa Hưng A	1.300	1.300
25	THPT Nghĩa Minh	642	642
26	THPT Nghĩa Hưng B	972	972
27	THPT Nghĩa Hưng C	1.052	1.052
28	THPT Trần Nhân Tông	630	630
29	THPT Lê Hồng Phong	1.976	1.976
30	THPT Trần Hưng Đạo	1.832	1.832
31	THPT Nguyễn Khuyến	1.720	1.720

32	THPT Ngô Quyền	1.562	1.562
33	THPT Nguyễn Huệ	1.405	1.405
34	THPT Hoàng Văn Thụ	1.030	1.030
35	THPT Lương Thế Vinh	790	790
36	THPT Nguyễn Bính	719	719
37	THPT Nguyễn Đức Thuận	718	718
38	THPT Tống Văn Trân	1.147	1.147
39	THPT Phạm Văn Nghị	1.078	1.078
40	THPT Mỹ Tho	1.196	1.196
41	THPT Lý Nhân Tông	701	701
42	THPT Đại An	745	745
43	THPT Đỗ Huy Liêu	662	662
44	THPT Mỹ Lộc	1.480	1.480
45	THPT Trần Văn Lan	1.197	1.197
46	TTGDTX Tỉnh	803	803
47	TTGDTX Trần Phú	606	606
48	TTHN-GDTX Tỉnh	53	53
49	CĐSP Nam Định	647	647
<b>II</b>	<b>Số Thu hoạt động dịch vụ và số chi cho hoạt động dịch vụ được để lại</b>	<b>4.205</b>	<b>4.205</b>
1	TTGDTX Tỉnh	1.500	1.500
2	TTGDTX Trần Phú	105	105
3	Trường Cao đẳng Sư phạm	2.600	2.600
<b>B</b>	<b>Tổng dự toán chi NSNN năm 2025 Bao gồm:</b>	<b>798.829</b>	<b>626.425</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí tự chủ chi quản lý nhà nước Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>16.324</b>	<b>16.324</b>
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo</b>	<b>36.135</b>	<b>36.135</b>
	Trường Cao đẳng Sư phạm	36.135	36.135
	- Kinh phí TX giao tự chủ	21.187	21.187
	- Kinh phí TX không giao tự chủ	14.948	14.948
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên sự nghiệp Giáo dục</b>	<b>746.370</b>	<b>746.370</b>
1	THPT Giao Thủy	20.510	20.510
2	THPT Giao Thủy B	19.287	19.287
3	THPT Giao Thủy C	15.948	15.948
4	THPT Quất Lâm	12.556	12.556
5	THPT Xuân Trường	19.443	19.443
6	THPT Xuân Trường B	19.748	19.748
7	THPT Xuân Trường C	13.004	13.004
8	THPT Nguyễn Trường Thụ	12.564	12.564
9	THPT Hải Hậu A	19.341	19.341
10	THPT Vũ Văn Hiếu	12.118	12.118

11	THPT Hải Hậu B	14.610	14.610
12	THPT Hải Hậu C	17.368	17.368
13	THPT Thịnh Long	12.210	12.210
14	THPT Trần Quốc Tuấn	13.532	13.532
15	THPT An Phúc	10.697	10.697
16	THPT Trực Ninh	18.907	18.907
17	THPT Trực Ninh B	15.702	15.702
18	THPT Nguyễn Trãi	13.350	13.350
19	THPT Lê Quý Đôn	14.437	14.437
20	THPT Lý Tự Trọng	16.471	16.471
21	THPT Nam Trực	18.803	18.803
22	THPT Nguyễn Du	13.448	13.448
23	THPT Trần Văn Bảo	13.502	13.502
24	THPT Nghĩa Hưng A	19.968	19.968
25	THPT Nghĩa Minh	10.009	10.009
26	THPT Nghĩa Hưng B	16.702	16.702
27	THPT Nghĩa Hưng C	16.209	16.209
28	THPT Trần Nhân Tông	9.884	9.884
29	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	55.392	55.392
30	THPT Trần Hưng Đạo	20.077	20.077
31	THPT Nguyễn Khuyến	19.115	19.115
32	THPT Ngô Quyền	18.738	18.738
33	THPT Nguyễn Huệ	15.043	15.043
34	THPT Hoàng Văn Thụ	16.504	16.504
35	THPT Lương Thế Vinh	13.332	13.332
36	THPT Nguyễn Bính	11.381	11.381
37	THPT Nguyễn Đức Thuận	11.900	11.900
38	THPT Tống Văn Trân	18.655	18.655
39	THPT Phạm Văn Nghị	17.009	17.009
40	THPT Mỹ Tho	17.995	17.995
41	THPT Lý Nhân Tông	10.108	10.108
42	THPT Đại An	12.186	12.186
43	THPT Đỗ Huy Liêu	9.722	9.722
44	THPT Mỹ Lộc	17.419	17.419
45	THPT Trần Văn Lan	13.326	13.326
46	TTGDTX Tỉnh	6.262	6.262
47	TTGDTX Trần Phú	5.264	5.264
48	TT HN-GDTX Tỉnh	6.614	6.614

**C. Cơ sở phân bổ dự toán NSNN năm 2025 như sau:**

Nguyên tắc chung: Dự toán năm 2025 được phân bổ trên nền dự toán năm 2024, đơn vị nào có thay đổi nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao, tăng giảm biên chế, giao hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, hoặc có chế độ chính sách thay đổi liên quan đến dự toán NSNN thì được điều chỉnh tăng giảm theo quy định, cụ thể:

Tất cả các đơn vị đều được điều chỉnh tăng chi cho con người theo quy định do mức lương cơ sở thay đổi từ 1.800.000 đồng/ tháng lên 2.340.000 đồng/tháng tại Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

<p>1. Kinh phí quản lý nhà nước của Văn phòng Sở giao theo số kinh phí quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 11/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định</p>
<p>+ Dự toán tăng so với năm 2024: Tăng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: lương cơ sở 2.697 triệu đồng, quỹ tiền thưởng 672 triệu đồng; tăng 3% chi thường xuyên: 95 triệu đồng.</p>
<p>+ Dự toán giảm: Giảm 01 biên chế = 75 triệu đồng.</p>
<p>2. Kinh phí sự nghiệp đào tạo:</p>
<p>- Trường Cao đẳng Sư phạm:</p>
<p>+ Dự toán tăng so với năm 2024: Tăng lương cơ sở 4.879 triệu đồng, quỹ tiền thưởng 1.045 triệu đồng; tăng kinh phí hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm 5.743 triệu đồng;</p>
<p>+ Dự toán giảm so với năm 2023: Giảm 1.000 triệu đồng KP tăng cường cơ sở vật chất; giảm 1.735 triệu đồng do giảm 21 biên chế; giảm 53 triệu đồng do giảm 2,5% kinh phí thường xuyên theo lộ trình tự chủ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP</p>
<p>3. Kinh phí sự nghiệp giáo dục:</p>
<p>- Các đơn vị trực thuộc:</p>
<p>+ Dự toán tăng: Tăng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: Tăng lương cơ sở 147.322 triệu đồng, quỹ tiền thưởng 33.212 triệu đồng; tăng 3% chi hoạt động hằng năm = 2.985 triệu đồng; tăng do bổ sung lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2021/NĐ-CP là 100,83 triệu đồng/1 hợp đồng/ năm cho 258 lao động = 26.022 triệu đồng</p>
<p>+ Dự toán giảm: Giảm 108 biên chế so với năm 2024, mỗi biên chế giảm 101 triệu đồng, tổng số tiền giảm là 10.893 triệu đồng</p>
<p>Cấp mỗi trường THPT 12% / (kinh phí thường xuyên - các khoản chi cho con người (gồm cả quỹ tiền thưởng trong năm)) kinh phí thường không giao tự chủ để mua sắm sửa chữa tài sản máy móc thiết bị;</p>
<p>+ 12,5 tỷ đồng để chi chế độ trường chuyên của trường THPT chuyên Lê Hồng Phong và phục vụ khu ký túc nội trú của học sinh.</p>
<p>+ Số dự toán ngân sách nhà nước cấp bằng dự toán điều hành trừ đi kinh phí tự đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương./.</p>